

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG 168
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG 168

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 168 CONSTRUCTION AND CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109326747

3. Ngày thành lập: 31/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Km9, quốc lộ 3, thôn Vĩnh Thanh, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983 186 969

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
2.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng do Công ty kinh doanh;	8299
4.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
5.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
6.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
9.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
10.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
11.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
13.	Khai thác quặng sắt	0710

14.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm)	0722
15.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
16.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
18.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
19.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Xây dựng nhà để ở	4101
22.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395(Chính)
23.	Xây dựng nhà không để ở	4102
24.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
28.	Xây dựng công trình điện	4221
29.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản; - Khoan phục vụ khảo sát, thăm dò các công trình (không bao gồm hoạt động thăm dò địa chất, địa hình)	0990
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35.	Phá dỡ	4311
36.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
40.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
41.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
42.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
43.	Chăn nuôi gia cầm	0146
44.	Chăn nuôi khác	0149

45.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
46.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
47.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
48.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
49.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
50.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
51.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
52.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
53.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
57.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
58.	Sản xuất điện	3511
59.	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và phân phối hệ thống điện quốc gia)	3512
60.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
61.	Bán buôn tổng hợp	4690
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
63.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
64.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
67.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
68.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

69.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu - Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt...; túi đựng nữ trang; thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; các sản phẩm máy móc có đinh vít; các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự, dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải..., đinh hoặc ghim, đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; các sản phẩm đinh vít, bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự, lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; xích, trừ xích dẫn năng lượng; chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hỏa, móc gài, khoá, bản lề, nam châm vĩnh cửu, kim loại; sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
70.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
71.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
72.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
73.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
74.	Đúc sắt, thép	2431
75.	Đúc kim loại màu	2432
76.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
77.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
78.	Sản xuất máy luyện kim	2823
79.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
80.	Sản xuất máy chuyên dụng khác - Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
81.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
82.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
83.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
84.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
86.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
87.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
88.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

91.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
92.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
93.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các toà nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ toà nhà, dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, làm việc ở tầng cao, các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài toà nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
94.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
95.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
96.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
97.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, gốm, sứ, thủy tinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
98.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
99.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường; máy móc, thiết bị y tế	4659
100.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
101.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ NGÂN	khu 5, Thị Trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	149.985	1.499.850.000	33,330	172230817	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	149.985	1.499.850.000	33,330		
2	LÊ HOÀNG HÀ TRANG	khu 5, Thị Trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	33,330	038300013102	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	0	0	0,000		

3	HOÀNG VŨ	khu 5, Thị Trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	33,340	172960453
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.030	1.500.300.000	33,340	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 172960453

Ngày cấp: 18/03/2009

Nơi cấp: công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, Thị Trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu 5, Thị Trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội